

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/DS – ST**  
Ngày: 19/3/2021  
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Lê Văn Mút.

2. Bà Nguyễn Thị Mơ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2021; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 229/2021/QĐ-CA ngày 08/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Số nhà 266/6, ấp T A, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Lệ T, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Số nhà 1/6, ấp T B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Do có quen biết nên vào tháng 5/2020, ông có cho bà Đỗ Thị Lệ T vay số tiền 34.000.000 đồng để làm ăn, khoảng 02 tháng sau ông cho bà T vay thêm số tiền 2.000.000 đồng, tổng số tiền cho vay là 36.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 600.000 đồng/01 tháng của số tiền vay, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận miệng là 02 tháng sau khi vay tiền. Sau khi vay tiền, bà T có đóng cho ông được khoảng 600.000 đồng tiền lãi, sau đó thì không đóng lãi nữa và cũng không trả

nợ gốc cho ông như đã hứa. Ông có đến gặp bà T để chốt lại số tiền nợ và yêu cầu bà T trả tiền, bà T chỉ thừa nhận nợ ông số tiền 34.000.000 đồng và hai bên có làm bản cam kết nợ. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền cho ông nhưng bà T vẫn không trả. Nên ông khởi kiện yêu cầu bà T và chồng bà T là ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông, tuy nhiên khi ông cho bà T vay tiền và giao tiền chỉ có một mình bà T, ông N không có mặt và biết việc này.

Nên tại Tòa hôm nay, ông yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Đỗ Thị Lệ T trả cho ông số tiền 34.000.000 đồng, ông chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả toàn bộ số tiền 34.000.000 đồng này cho ông, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn Đỗ Thị Lệ T vắng mặt tại tòa, nhưng theo nội dung bản tự khai – bà T trình bày:*

Bà thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Văn C và hiện nay còn nợ ông C số tiền 34.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay vẫn chưa trả nợ được.

Nay ông C yêu cầu bà trả cho ông C số tiền 34.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho ông C số tiền này, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Số tiền này là nợ riêng của cá nhân bà, không liên quan đến chồng của bà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bị đơn Đỗ Thị Lệ T trả tiền vay. Bị đơn Đỗ Thị Lệ T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Đỗ Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn Nguyễn Văn C với bị đơn Đỗ Thị Lệ T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn C yêu cầu bị đơn Đỗ Thị Lệ T trả cho ông C số tiền vay 34.000.000 đồng. Bà T cũng thừa nhận hiện nay còn nợ ông Chinh số tiền 34.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Do đó, việc ông C yêu cầu bà T trả cho ông C số tiền 34.000.000 đồng này là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả dần nợ của bà Thủy: Bà T cho rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin được trả dần số tiền còn nợ cho ông C với cách thức mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần này của bà T không được ông C đồng ý. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông C trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của bà T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đỗ Thị Lệ T phải chịu án phí với số tiền: 34.000.000 đồng x 5% = 1.700.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc bà Đỗ Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn C theo biên lai thu số: 0003147 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 9 Luật thi hành án dân sự.  
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Thủy Tiên**